

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 53/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2024, giữa:

- Nguyên đơn: chị **Bùi Thị T**, sinh năm 1993.

Nơi thường trú: **thôn A, xã Q, huyện H, tỉnh Quảng Ninh.**

Nơi ở hiện tại: **thôn A, xã Q, huyện H, tỉnh Quảng Ninh**, có mặt.

- Bị đơn: anh **Nguyễn Trọng H**, sinh năm 1987.

Nơi thường trú: **thôn A, xã Q, huyện H, tỉnh Quảng Ninh**

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1, 2 Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào Điều 26 Luật thi hành án dân sự;

Khoản 7 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 8 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 8 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị **Bùi Thị T** và anh **Nguyễn Trọng H**.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: chị **Bùi Thị T** và anh **Nguyễn Trọng H** có 03 con chung là **Nguyễn Thị Thanh T1**, sinh ngày 25/6/2011, **Nguyễn Thị Thu H1**, sinh ngày 29/6/2016 và **Nguyễn Thị Như N**, sinh ngày: 24/8/2019. Chị **Bùi Thị T** trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả 03 con chung từ tháng 8 năm 2024 đến khi các con thành niên. Anh **Nguyễn Trọng H** không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền qua lại thăm nom con chung không ai được phép cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: chị **Bùi Thị T** và anh **Nguyễn Trọng H** không có tài sản chung, không có nợ chung.

- Về án phí Tòa án: chị **Bùi Thị T** tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng). Chị **Bùi Thị T** đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005172 ngày 02 tháng 8 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh. Trả lại chị **Bùi Thị T** 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ninh.
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND huyện Hải Hà;
- Chi cục THADS huyện Hải Hà;
- UBND xã Quảng Long, huyện Hải Hà
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đoàn Minh Chiến